yī bài tú dì

# 一败涂地

idiom · to suffer a crushing defeat

## Example Sentences

zhè chǎng bǐ sài tā men yī bài tú dì
这 场 比赛他 们 一败涂地。

They suffered a crushing defeat in this match.

gōng sī yīn wèi jué cè shī wù zài shì chǎng shàng jī hū yí bài tú dì
公 司因 为决策失误，在市 场 上 几乎一败涂地。

The company, due to poor decisions, was almost completely defeated in the market.

Trace each character, then write the word on your own.